SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 12/11/2024; 17:18:18 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4121 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 12 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Số 3670a/QĐ-BNN-LN ngày 28/10/2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn; Số 3703/QĐ-BNN-LN ngày 30/10/2024 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 198/TTr-SNN ngày 05/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng *(có danh mục cụ thể kèm theo)*.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Hải quan Hải Phòng tổ chức thực hiện việc công khai danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố tại: Số thứ tự 6, mục III, phần A Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố; Số thứ tự 6, 7, mục V, phần B Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Số thứ tự 2, mục IV, phần E Thủ tục hành chính không thực hiện tại Bộ phận một cửa ban hành kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Hải quan Hải Phòng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, CĐ ANHP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Cổng TTĐTTP;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 4121 /QĐ-UBND ngày 12 / 11 /2024 của Chủ tịch UBND thành phố)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện (02 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý
			Huyện	UBND TP			Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)										
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày		UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024; - Quyết định số 3670a/QĐ-BNN-LN ngày 28/10/2024.

* Thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Hải quan

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
Lĩnh vực kiểm lâm (01 TTHC)									
1	3.000154	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu	Không phải kiểm tra: 02 giờ làm việc Phải kiểm tra: 01 ngày làm việc Kiểm tra phức tạp: 02 ngày làm việc	Chi cục Hải quan	20.000 đồng/ tờ khai		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024; - Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015; - Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
I. Lĩnh vực kiểm lâm (02 TTHC)				
1	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam	1. Mục 3. Thành phần, số lượng hồ sơ được sửa đổi nội dung sau: - Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. - Bảng kê gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. Trường hợp chủ gỗ là doanh nghiệp thuộc Nhóm I thì bảng kê gỗ không phải xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại. - Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP hoặc bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT). 2. Mục 7. Kết quả thực hiện TTHC được sửa đổi, bổ sung nội dung sau: Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm trên Bảng kê gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP hoặc xác nhận của Chi cục Kiểm lâm trên Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. 3. Mục 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai được sửa đổi nội dung sau: - Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. - Bảng kê gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. - Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. 4. Mục 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi nội dung sau: - Khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
				- Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ		1. Tên TTHC được sửa đổi từ "Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ" 2. Mục 1. Trình tự thực hiện được sửa đổi, bổ sung các nội dung Bước 2, Bước 3. 3. Mục 3. Thành phần, số lượng hồ sơ được sửa đổi nội dung sau: 01 bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mau số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 120/2024/NĐ-CP. 4. Mục 4. Thời hạn giải quyết được sửa đổi: a) Trường hợp không kiểm tra, xác minh: từ "06 ngày làm việc" thành "05 ngày làm việc" b) Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: từ "14 ngày làm việc" thành "13 ngày làm việc" 5. Mục 5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung nội dung sau: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ. 6. Mục 7. Kết quả thực hiện TTHC được sửa đổi, bổ sung nội dung sau: Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu rõ lý do không được phân loại Nhóm I. 7. Mục 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai được sửa đổi nội dung sau: Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 120/2024/NĐ-CP 8. Mục 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi nội dung sau: - Khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (01 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	**Lĩnh vực lâm nghiệp (01 TTHC)**		
1	1.000065	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp

2. Thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện (01 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	**Lĩnh vực kiểm lâm (01 TTHC)**		
1	3.000175	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam